

Số: /BC-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO

TỔNG KẾT ĐỀ ÁN "ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2020" THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1956/QĐ-TTg NGÀY 27/11/2009 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phần thứ nhất ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. MỘT SỐ THÔNG TIN CHUNG

1. Bối cảnh

Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ ra đời trong hoàn cảnh kinh tế nông nghiệp nông thôn đang có sự chuyển dịch tích cực, từng bước đáp ứng được nhu cầu đào tạo nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông thôn, góp phần quan trọng giảm tỷ lệ đói nghèo, ổn định an sinh xã hội.

2. Điều kiện hiện tại

2.1. Tổng dân số của huyện là 203.270 người, trong đó: Số người trong độ tuổi lao động là 123.683 người (60,8% dân số), số người có khả năng lao động là 121.738 người (59,9% dân số và bằng 98,4% số người trong độ tuổi lao động). Tổng số lao động nông thôn là 100.366 người, chiếm 81,2% lực lượng lao động. Tốc độ tăng lao động bình quân năm 0,62%.

2.2. Chất lượng: Tổng số lao động nông thôn là 100.366 người, trong đó:

a) Trình độ giáo dục phổ thông: Chưa biết chữ 101 người (0,1%), chưa tốt nghiệp tiểu học 1.852 người (1,9%), tốt nghiệp tiểu học 7.125 người (7,1%), tốt nghiệp THCS 23.452 người (27,4%), tốt nghiệp THPT 67.836 người (67,6%).

b) Trình độ chuyên môn, kỹ thuật: Chưa qua đào tạo: 50.461 người, chiếm 50,3%; đã qua đào tạo: 49.905 người, chiếm 49,7%, trong đó:

+ Hệ dạy nghề: 32.756 người, chiếm 32,6%; trong đó: Đào tạo dưới 3 tháng 22.535 người (22,4%); sơ cấp nghề 5.107 người (5,1%); trung cấp nghề 3.142 người (3,1%); cao đẳng nghề 1.972 người (2%).

+ Hệ chuyên nghiệp: 17.149 người, chiếm 17,1% trong đó: Trung cấp 8.251 người (8,2%); cao đẳng 3.578 người (3,6%); đại học 5.245 người (5,2%); trên đại học 75 người (0,1%).

c) Tổng cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

Mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn 2016-2020.

1. Mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2010-2015

Đào tạo cho thị trường lao động trong huyện khoảng 10.500 lao động (bình quân 2.100 lao động/năm), nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 40,5% năm 2010 lên 52,5% năm 2015, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 28,5%.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020

Đào tạo cho thị trường lao động trong huyện khoảng 12.500 lao động (bình quân 2.500 lao động/năm), nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 52,5% năm 2015 lên 70% năm 2020, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31,34%.

III. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Xây dựng bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án

- Công tác kiện toàn Ban Chỉ đạo UBND huyện Triệu Sơn đã có Quyết định số 1370/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Triệu Sơn đến năm 2020". Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 17/6/2010 của UBND huyện về việc phê duyệt Đề án. Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 10/9/2010 Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo Đề án. Chương trình hành động số 955/CTr-UBND ngày 14/6/2013 về việc thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 05/11/2012 của Ban chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn.

- Sở cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn huyện

+ Trung dạy nghề huyện: Được chia tách từ Trung tâm GDTX-DN huyện năm 2008. Năm 2019 sát nhập lại thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, cơ sở vật chất còn thiếu thốn, đội ngũ giáo viên chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn huyện. Các hoạt động dạy nghề chủ yếu là liên kết với các đơn vị khác.

+ Trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn: Hiện nay, trên địa bàn huyện có 34 Trung tâm học tập cộng đồng làm nhiệm vụ đào tạo nghề cho người lao động.

+ Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tư nhân, các hộ ngành nghề dạy nghề chủ yếu bằng hình thức kèm cặp, hướng dẫn, truyền nghề, vừa làm vừa học.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Đề án

- Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã xây dựng 8 chương trình trọng tâm, giai đoạn 2010-2020, cụ thể: Giai đoạn 2010-2015 xây dựng 4 chương trình: Đầu tư kết cấu hạ tầng và xây dựng NTM; Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với phát triển đô thị; Phát triển nông nghiệp chất lượng cao và hiệu quả; Đào

tao, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Giai đoạn 2015-2020 xây dựng 4 chương trình: Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực; Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ gắn với phát triển đô thị; Phát triển kết cấu hạ tầng gắn với xây dựng NTM; Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ và sản xuất gắn với thực hiện tái cơ cấu kinh tế.

- HĐND huyện đã ban hành các Nghị quyết, UBND huyện đã ban hành các Quyết định, Phương án về cơ chế hỗ trợ phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới: Quyết định ban hành một số cơ chế hỗ trợ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2016; Quyết định ban hành một số cơ chế khuyến khích hỗ trợ phát triển kinh tế- xã hội huyện giai đoạn 2017-2021; Quyết định điều chỉnh, bổ sung cơ chế hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 và 2020 trên địa bàn huyện; Phương án khuyến khích, hỗ trợ các xã đang xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020.

- UBND huyện đã xây dựng các đề án, phương án, kế hoạch, chương trình hành động để phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, Phương án củng cố, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí ở các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới; Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Triệu Sơn đến năm 2020.

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Kết quả thực hiện các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn

1.1. Hoạt động 1: Tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Hình thức, nội dung tuyên truyền. Huyện Triệu Sơn đã tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong các cấp, các ngành, các tầng lớp xã hội về vai trò và tầm quan trọng của công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thông qua các văn bản chỉ đạo, lồng ghép nội dung chương trình hội họp. Bên cạnh đó, tiếp tục tuyên truyền để tác động, làm thay đổi nhận thức của đại bộ phận xã hội về đào tạo người lao động phải được đào tạo nghề, góp phần định hướng nghề nghiệp, nhằm giúp người dân nhận thức được học nghề là cơ hội để tìm kiếm việc làm cho bản thân, ổn định thu nhập gia đình và nâng cao chất lượng cuộc sống. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề và giải quyết việc làm để khuyến khích người lao động tham gia học nghề.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các cơ quan, đơn vị đã nghiêm túc quán triệt, phổ biến sâu rộng các văn bản về công tác đào tạo nghề tới cán bộ, đảng viên, đoàn viên và nhân dân. Qua đó, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tham gia thực hiện.

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ Chỉ thị, Kế hoạch đề ra, các cấp, các ngành đã xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hành động, kế hoạch, quy hoạch, ban hành chính sách, huy động các nguồn lực cho phát triển công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Chuyển dịch cơ cấu nhân lực theo hướng giảm dần tỷ lệ lao động trong ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản, tăng dần tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

Đài tuyên thanh và tuyên hình huyện xây dựng nhiều bản tin, chuyên mục truyền truyền trên sóng phát thanh về công tác đào tạo nghề, mô hình phát triển kinh tế sau đào tạo nghề và các chính sách hỗ trợ phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Đã có 1.900 tin, bài tuyên truyền về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Lồng ghép tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong sinh hoạt, hoạt động của Hội, tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm, cho lao động nông thôn giai đoạn 2010-2015 và 2016-2020 Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức 165 lớp tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm cho lao động nông thôn.

1.2. Hoạt động 2: Điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn; định kỳ hàng năm rà soát, cập nhật, bổ sung, đánh giá, xác định nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Thông kê danh mục ngành, nghề đào tạo và nhu cầu đào tạo nghề của lao động nông thôn trên địa bàn theo từng ngành, nghề cho lao động nông thôn ở địa phương:

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Nhu cầu đào tạo nghề (người)			
		Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Đào tạo dưới 3 tháng
1	Nghề Vi tính văn phòng			350	
2	Nghề May công nghiệp			7.500	
3	Nghề Hàn điện			250	
4	Nghề Điện công nghiệp			350	
5	Nghề Kỹ thuật xây dựng			700	
6	Nghề Sửa chữa máy nông nghiệp			150	
7	Nghề Trồng nấm			450	
8	Nghề Trồng rau an toàn			700	
9	Nghề Kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm			800	
10	Nghề Đan lát thủ công				4.000
11	Nuôi cá nước ngọt, lươn, ếch			70	

12	Giày da				8.000
13	Nghề làm vườn, cây cảnh			220	
	Cộng			11.540	12.000

1.3. Hoạt động 3: Thí điểm và nhân rộng mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn

- Mô hình nông nghiệp

Nuôi ong mật xã Bình Sơn, Triệu Thành. Nuôi Chạch xã An Nông. Trồng nấm Vân Sơn, trồng rau sạch tại xã Tiến Nông.

- Mô hình phi nông nghiệp

- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện: Dạy các lớp nghề theo nhu cầu của người lao động như: May công nghiệp, các nghề tiểu thủ công nghiệp.

- Các công ty may mặc, giày da trên địa bàn huyện: Đào tạo nghề may công nghiệp cho lao động mới học nghề.

- Các làng nghề truyền thống đã truyền nghề cho lao động ở địa phương như Nón lá Xuân Lộc; Thêu xã Vân Sơn.

1.4. Hoạt động 4: Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề đối với các cơ sở dạy nghề công lập.

- Đầu tư cơ sở vật chất: Năm 2019 Trung tâm GDNN-GDTX tiếp nhận cơ sở vật chất của Trường THPT Triệu Sơn 6.

+ Phòng/xưởng thực hành: 7 phòng, diện tích 600 m²

+ Phòng học: 03 phòng, diện tích: 180 m²

+ Nhà hiệu bộ: 7 phòng, diện tích: 420 m²

+ Công trình khác, thư viện: 1, diện tích: 60 m²

+ Phòng Y tế: 1, diện tích: 30 m²

+ Ký túc xá: Không

- Tổng giá trị thiết bị đào tạo nghề 3.988.000.000 đồng. Khả năng đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề.

Trong đó:

- Thiết bị nghề hàn: 268.400.000đ. Khả năng đáp ứng yêu cầu đào tạo 70%;

- Thiết bị nghề Chăn nuôi - Thú y: 1.026.200.000đ. Khả năng đáp ứng yêu cầu đào tạo 70%;

- Thiết bị nghề Trồng nấm: 1.108.400.000đ. Khả năng đáp ứng yêu cầu đào tạo 70%;

- Thiết bị nghề Sinh vật cảnh: 500.000.000đ, Khả năng đáp ứng yêu cầu đào tạo 70%;

- Thiết bị nghề May công nghiệp: 875.956.000đ. Khả năng đáp ứng yêu cầu đào tạo 60%;

- Thiết bị nghề Tin học: 124.044.000đ. Khả năng đáp ứng yêu cầu đào tạo: 60%;

- Thiết bị trợ giảng: 85.000.000đ. Khả năng đáp ứng yêu cầu đào tạo 60%.

Nguồn vốn:

- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia 3.988.000.000 đồng.

- Nguồn ngân sách địa phương: không

- Nguồn vốn tự có: không

- Nguồn khác: không

Đánh giá hiệu quả sử dụng: Thiết bị sử dụng tuy đầy đủ nhưng sau nhiều năm đào tạo đa số các thiết bị đã xuống cấp và không phù hợp với nhu cầu đào tạo hiện nay.

1.5. Hoạt động 5: Phát triển chương trình, giáo trình, học liệu và xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề.

Chương trình đào tạo: đảm bảo, đầy đủ theo quy định tại Thông tư 42/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Giáo trình, tài liệu giảng dạy: đảm bảo, đầy đủ theo quy định tại Thông tư 42/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

1.6. Hoạt động 6: Phát triển giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề/GDNN

- Bổ trie cán bộ chuyên trách theo dõi công tác giáo dục nghề nghiệp thuộc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đền nay huyện chưa bố trí được, chỉ phân công công chức kiêm nhiệm theo dõi công tác giáo dục nghề nghiệp.

- Số cán bộ quản lý GDNN ở huyện và cán bộ theo dõi công tác GDNN ở cấp xã đượ bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý và tư vấn chọn nghề, tím việc làm cho lao động nông thôn: 35 người. Trong đó: Cấp huyện 01 người, cấp xã 34 người.

- Số giáo viên dạy nghề của các cơ sở GDNN trên địa bàn đượ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề, phương pháp giảng dạy tích hợp, kiến thức kinh doanh, khởi sự doanh nghiệp 07 người cụ thể như sau:

+ Số giáo viên dạy nghề đượ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm: 07 người.

+ Số giáo viên dạy nghề đượ bồi dưỡng kỹ năng dạy nghề: 07 người.

+ Số giáo viên dạy nghề đượ bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tích hợp : 07 người.

+ Số giáo viên dạy nghề được bồi dưỡng kiến thức kinh doanh, khởi sự doanh nghiệp: 03 người.

1.7. Hoạt động 7: Hỗ trợ cho lao động nông thôn học nghề

Đào tạo cho thị trường lao động trong huyện khoảng 13.003 lao động (bình quân mỗi năm đào tạo 2.601 lao động), vượt mục tiêu đề ra (mục tiêu: 12.500) và gấp 1,63 lần so với giai đoạn trước, trong đó: đào tạo ngắn hạn dưới 3 tháng cho 10.793 lao động, vượt mục tiêu đề ra (mục tiêu: 10.650), sơ cấp nghề cho 1.585 lao động, tăng 13,2% so với kế hoạch (mục tiêu: 1.400), liên kết đào tạo trung cấp và cao đẳng nghề cho 511 lao động, gấp 1,39 lần so với mục tiêu đề ra (mục tiêu: 450); nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 52,5% năm 2015 lên 71,2% năm 2020, tăng 18,7% so với năm 2015, vượt mục tiêu đề ra (mục tiêu đến năm 2020 là 70%), trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31,6%, tăng 4,3% so với năm 2015 và vượt kế hoạch đề ra (KH: 31,34%).

1.8. Hoạt động 8: Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án.

Hàng năm trong xây dựng chương trình công tác các Ban của HĐND huyện; Ủy ban Mặt trận tổ quốc huyện và các tổ chức đoàn thể đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án. Đã thực hiện được 7 cuộc kiểm tra, giám sát.

2. Kết quả thực hiện các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được cấp ủy các cấp từ huyện đến cơ sở quan tâm chú trọng, từ xây dựng kế hoạch, chọn, cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, đáp ứng được yêu cầu bố trí cán bộ, chuẩn hoá đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức kết quả đạt được như sau:

+ Cử đi đào tạo: Đã cử 434 lượt cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo chuyên môn từ trung cấp trở lên; 678 lượt cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo về LLCT từ sơ cấp trở lên; 437 lượt cán bộ, công chức, viên chức đi học quản lý nhà nước chương trình chuyên viên và chuyên viên chính.

+ Bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Đã bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho 16.366 lượt cán bộ, công chức, viên chức, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã, cán bộ bán chuyên trách cấp xã, thôn, trong đó bồi dưỡng khối đảng cho 4.080 lượt người, khối đoàn thể cho 5.320 lượt người, khối chính quyền cho 8.213 lượt người.

3. Đánh giá

3.1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Đánh giá những thuận lợi.

UBND huyện đã ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo thực hiện công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn; đã chỉ đạo và phát huy được vai trò trách nhiệm của hệ thống quản lý nhà nước về dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

Các phòng, ngành, UBND các xã, thị trấn đã phối hợp tốt trong việc triển khai thực hiện dạy nghề cho lao động nông thôn. Huy động được toàn bộ hệ thống chính trị, xã hội tham gia tích cực trong công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm, kiểm tra giám sát thực hiện đào tạo nghề theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009; Quyết định 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 sửa đổi bổ sung 1956/QĐ-TTg; Quyết định 3906/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 về việc phê duyệt đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020" đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn làng nghề trên địa bàn huyện, đặc biệt là sự tham gia phối hợp có hiệu quả của các Trung tâm giáo dục cộng đồng tại các xã. Kết quả hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn và giải quyết việc làm. UBND huyện đã xác định đúng vai trò cấp xã là trung tâm, cấp huyện là cơ quan tổ chức thực hiện, qua đó đã tác động đến nhận thức của lao động nông thôn về công tác đào tạo nghề được chuyển biến theo hướng tích cực, số lượng lao động nông thôn tham gia học nghề tăng hàng năm.

Trung tâm GDNN- GDTX huyện đã được quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề để phục vụ dạy nghề cho lao động nông thôn. Các thiết bị phát huy tốt tác dụng trong việc dạy nghề cho lao động như: thiết bị nghề chăn nuôi-thú y, trồng nấm, may công nghiệp, điện dân dụng, cơ khí - hàn, làm vườn - sinh vật cảnh. Giáo viên dạy nghề của Trung tâm cơ bản đạt chuẩn theo quy định. Các cơ sở dạy nghề ngoài công lập (doanh nghiệp, hợp tác xã) đã chủ động cùng các địa phương khảo sát nhu cầu học nghề của lao động nông thôn dạy nghề và bao tiêu sản phẩm cho người lao động đảm bảo có thu nhập ổn định

- Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, bất cập đối với công tác chỉ đạo, điều hành.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện thời gian qua vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, chưa tạo được chuyển biến mạnh mẽ trong thực tiễn, đó là:

+ Việc tổ chức đào tạo nghề còn chạy theo số lượng; chất lượng vẫn còn thấp, chưa phù hợp với nhu cầu của người học nghề và người sử dụng lao động. Chưa gắn đào tạo nghề với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội để chuyển đổi cơ cấu lao động theo hướng giảm dần tỷ lệ lao động nông nghiệp, tăng dần lao động tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Một số nghề chưa phát huy được hiệu quả sau đào tạo, người lao động sau khi học nghề chưa duy trì được nghề lâu dài.

+ Chưa tạo được sự gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo nghề và doanh nghiệp trong việc phối hợp đào tạo, xây dựng chương trình, giáo trình dạy nghề và sử dụng lao động sau đào tạo.

+ Trung tâm GDNN-GDTX huyện được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề song mới chỉ tham gia dạy nghề cho LĐNT một số nghề thích hợp và theo kinh phí được giao, đào tạo nghề cho lao động xã hội rất hạn chế, chất lượng đào

tạo nghề chưa đáp ứng được yêu cầu thị trường lao động, thiết bị dạy nghề được đầu tư ít phát huy hiệu quả sử dụng.

+ Công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm cho lao động nông thôn chưa sát thực tế.

+ Nhận thức của một bộ phận người lao động về học nghề, làm nghề chưa đúng, chưa chia sẻ khó khăn của doanh nghiệp; gặp khó khăn bỏ nghề học nghề khác.

- Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.

+ Nhận thức của một số cấp ủy Đảng, chính quyền của một số xã về đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn chưa đầy đủ; chưa có biện pháp chỉ đạo tích cực trong việc khảo sát nhu cầu học nghề để xây dựng kế hoạch cũng như tổ chức thực hiện. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành liên quan chưa chặt chẽ. Người lao động chưa nhận thức, đánh giá được vai trò của học nghề để tạo việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống.

+ Tổ chức sản xuất hàng hóa gắn với đào tạo nghề trong huyện còn hạn chế. Một số xã còn lúng túng trong việc xác định nghề đào tạo cho lao động nông thôn phù hợp với chuyên dịch cơ cấu lao động gắn với giải quyết việc làm và phát triển ngành nghề của địa phương.

- Đội ngũ giáo viên đào tạo nghề chưa đảm bảo cơ cấu, chủng loại, giáo viên lý thuyết và thực hành chưa đồng bộ, thiếu giáo viên dạy nghề theo phương pháp tích hợp. kinh nghiệm thực tế sản xuất, kỹ năng nghề còn hạn chế.

+ Triệu Sơn là huyện đông dân, nguồn lao động dồi dào, tuy nhiên tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp nhu cầu học nghề lớn nhưng kinh phí TW hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn lại hạn chế, ngân sách địa phương hạn hẹp, ít huy động được nguồn khác để hỗ trợ học nghề.

3.2. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, bất cập đối với việc thực hiện các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn

3.2.1. Công tác tuyên truyền, vận động, truyền thông về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Đánh giá những thuận lợi.

Những năm qua, công tác tuyên truyền đã tạo sự chuyển biến tích cực, từng bước nâng cao nhận thức cho người dân, giúp người dân hiểu được lợi ích của việc học nghề. Đặc biệt là tạo điều kiện cho lao động vùng sâu từng bước tiếp cận chính sách về đào tạo nghề, nắm được kế hoạch đào tạo nghề của huyện và của cơ sở dạy nghề trong huyện để tham gia học nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập.

Trong những năm qua đã đăng tải, phát sóng trên 1.950 tin, bài về dạy nghề cho lao động nông thôn trên Đài phát thanh huyện, xã, cán bộ, giáo viên Trung tâm GDNN- GDTX huyện đã đến từng xã tuyên truyền, nắm bắt nhu cầu của người

lao động; các tổ chức chính trị xã hội đã tuyên truyền đến các hội viên của mình với mục đích tuyên truyền, tư vấn để người dân nhận thức được tầm quan trọng của học nghề vì nâng cao thu nhập để cải thiện cuộc sống.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, công tác thông tin tuyên truyền đào tạo nghề cho lao động nông thôn mới vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định. Về nội dung: Công tác thông tin tuyên truyền tuy sớm được triển khai và triển khai tương đối đồng bộ song chưa thực sự có chiều sâu và điểm nhấn. Nội dung thông tin tuyên truyền về nghề mới chỉ dừng lại ở việc đào tạo nghề, đầu ra sản phẩm đầu ra sản phẩm chưa đảm bảo lâu dài, chưa có tính ổn định, thu nhập của người lao động còn thấp nên sự quan tâm của người dân chưa cao.

3.2.2. Điều tra, khảo sát, phê duyệt danh mục đào tạo nghề nghiệp

- Đánh giá những thuận lợi.

Trong quá trình triển khai hoạt động đào tạo nghề, các địa phương thực hiện cơ bản đã làm tốt công tác điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động để làm căn cứ xây dựng chỉ tiêu và tổ chức đào tạo nghề đúng đối tượng. Mô hình đào tạo nghề gắn với nhu cầu của thị trường, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội, đáp ứng nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nghề, lĩnh vực, hướng tới mục tiêu giảm nghèo bền vững.

- Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, bất cập

Không ít người học theo phong trào nên tay nghề không đáp ứng được yêu cầu công việc. Một số ngành, nghề không phù hợp với hình thức đào tạo ngắn hạn, khó ứng dụng trong điều kiện thực tế của địa phương.

- Nguyên nhân.

Do nhu cầu người tiêu dùng luôn thay đổi về mẫu mã, chất lượng của sản phẩm dẫn đến việc điều tra khảo sát lao động luôn bị chậm so với sự phát triển của thị trường.

3.2.3. Việc xây dựng mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Trong những năm triển khai thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, Triệu Sơn đã xây dựng được các mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn triển khai tại các xã. Các mô hình dạy nghề điển hình, tỷ lệ tạo việc làm cao đã và đang được duy trì có hiệu quả tại các địa phương, qua đó góp phần chuyển giao kiến thức khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất và giá trị sản phẩm, giảm nghèo, đem lại việc làm cho người lao động.

Cụ thể: Các mô hình dạy nghề điển hình có tỷ lệ tạo việc làm cao đã và đang được duy trì có hiệu quả như: Sản xuất rau an toàn tại xã Tiến Nông, Khuyến nông; Nón lá Xuân Lộc; Mũ bẹ ngô Dân Quyền, Xuân Thọ, tăm hương Thọ Vực.

3.2.4. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề của các nghề đã được đầu tư, việc điều chuyển thiết bị dạy nghề không hiệu quả.

Đến nay cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề của Trung tâm GDNN-GDTX huyện đang phát huy hiệu quả trong công tác đào tạo. Do vậy không có điều chuyển cơ sở vật chất.

3.2.5. Phát triển xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Chương trình, giáo trình đào tạo nghề lao động nông thôn đã được chú trọng hơn nhưng vẫn còn có khoảng cách so với nhu cầu thực tế.

3.2.6. Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề

Hàng năm, các Trung tâm GDNN- GDTX huyện và cơ sở dạy nghề trong huyện đã cử giáo viên đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ và đã tích cực bổ sung chương trình, giáo trình dạy nghề mới cho phù hợp với nhu cầu đào tạo lao động nông thôn.

Bên cạnh còn có những khó khăn đó là: Đội ngũ giáo viên còn yếu về trình độ chuyên môn, nhất là trình độ về sư phạm, ngoại ngữ, tin học...do đó việc triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn còn gặp khó khăn. Cơ sở vật chất, thiếu đồ dùng thực tập, thiếu liên kết với doanh nghiệp, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ giáo viên chưa bảo đảm.

3.2.7. Triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Triển khai thực hiện từ năm 2009, các ngành, các địa phương, các cơ sở đào tạo đã có nhiều hoạt động thiết thực, sáng tạo, đưa ra nhiều mô hình dạy nghề và hình thức dạy nghề phù hợp. Một số mô hình đã bước đầu triển khai có hiệu quả, như mô hình đào tạo nghề cho lao động ở các vùng chuyên canh; mô hình dạy nghề cho lao động trong các làng nghề; mô hình dạy nghề ngắn hạn cho người nông dân ở cộng đồng.

3.2.8. Việc thực hiện các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn Về kinh phí của thực hiện chính sách cho người lao động, cơ sở đào tạo đã được sử dụng đúng nội dung công khai, minh bạch, đúng quy định, nhất là chi phí trực tiếp cho người lao động luôn thanh toán kịp thời.

3.2.9. Việc kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện Đề án

Việc kiểm tra, giám sát luôn được thực hiện thường xuyên, chế độ báo cáo đảm bảo kịp thời đúng quy định.

IV. TỔNG KẾT MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

- Qua thực tiễn cho thấy, địa phương nào cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ vai trò của công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, tăng thêm thu nhập thì công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn ở địa phương đó được thực hiện tốt và ngược lại.

- Muốn thực hiện tốt công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người dân thì mỗi UBND xã phải là trung tâm, điều tra và khảo sát đúng nhu cầu học nghề, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo của cơ sở sản xuất kinh doanh, xác định đối tượng lao động được hỗ trợ học nghề. Cấp huyện là cơ quan tổ chức thực hiện, xác định nghề đào tạo phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sản xuất và quy hoạch xây dựng nông thôn mới của địa phương. Lựa chọn cơ sở dạy nghề đủ điều kiện, có uy tín, chất lượng để ký hợp đồng dạy nghề.

- Cần lựa chọn đối tượng tham gia học nghề một cách cẩn thận, những người nông dân thực sự có nhu cầu học nghề và cam kết học nghề để tổ chức sản xuất và sống bằng nghề học mới chọn đào tạo, chỉ tổ chức dạy và học nghề khi người lao động dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập với việc làm có được sau khi học nghề.

- Tăng cường hỗ trợ về vốn, phương tiện sản xuất, tiêu thụ sản phẩm giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn sau khi học nghề.

- Nắm bắt kịp thời ý kiến của nhân dân về công tác đào tạo nghề để đề ra biện pháp chỉ đạo phù hợp.

V. THỐNG KÊ KẾT QUẢ, HIỆU QUẢ THỰC HIỆN

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ ĐẾN NĂM 2030

I. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tạo điều kiện cho lao động nông thôn được tiếp cận, lựa chọn ngành nghề và tham gia học nghề, góp phần tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, nâng cao thu nhập và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn; đẩy nhanh công tác giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

II. MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ ĐẾN NĂM 2030

1. Đào tạo nhân lực các cấp trình độ, trong đó: trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, đào tạo theo các chương trình nghề nghiệp khác.

Đào tạo nghề cho 12.500 lao động (2.500 lao động/năm), giải quyết việc làm cho 15.000 lao động trở lên. Đào tạo phục vụ xuất khẩu lao động cho 2.000 người (bình quân 400 người/năm).

Trong đó: Đào tạo cao đẳng nghề 250 người, chiếm 2%, trung cấp nghề 575 người, chiếm 4,6%; sơ cấp nghề 2.250 người, chiếm 18%, ngắn hạn dưới 3 tháng

và các hình thức khác là: 9.250 người, chiếm 74% tổng số lao động được đào tạo. Đến năm 2030 là 12.500 người.

2. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong đó số người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, các đối tượng chính sách (lao động nữ, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người bị thu hồi đất, người thuộc diện được hỗ trợ chính sách người có công với cách mạng) đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới tại địa phương: Số lao động nông thôn được học nghề 1.800 lao động. Trong đó: Đối tượng 1: 450 lao động; đối tượng 2: 270 lao động, Đối tượng 3: 1.260 lao động.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Cơ chế, chính sách, giải pháp cụ thể thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2021-2025 và đến năm 2030

1. Ban Chỉ đạo Đề án tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về dạy nghề, xây dựng chính sách phù hợp để thu hút giáo viên dạy nghề thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo nghề; giải quyết tốt việc làm sau học nghề, nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy nghề lao động nông thôn, đào tạo nghề theo đơn đặt hàng, theo địa chỉ của doanh nghiệp; tránh để thất thoát và lãng phí về kinh phí nhằm đảm bảo được chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho việc phát triển kinh tế xã hội theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; đặc biệt hoạt động thanh tra, kiểm tra thường xuyên; thực hiện phân cấp, cơ chế tự chủ trong dạy nghề; nâng cao vai trò trách nhiệm của từng cấp trong thực hiện Đề án; mở rộng liên kết đào tạo giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp gắn với tuyển dụng lao động qua học nghề.

2. Công tác tuyên truyền thực hiện Đề án tới cấp ủy, chính quyền và người dân

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền sâu rộng về chủ trương, chính sách của Đề án để cấp ủy, chính quyền và người dân hiểu, tự giác tham gia Đề án để nâng cao nhận thức cho người dân.

Phát động phong trào học nghề để nông dân tiếp cận các chương trình đào tạo nghề, rèn luyện kỹ năng, trang bị cho mình một nghề thực thụ. Các địa phương thường xuyên theo dõi, sơ kết, tổng kết, phát hiện các mô hình làm tốt, cách làm mới có hiệu quả, phổ biến nhân ra diện rộng. Thông qua các lớp dạy nghề, người học được trang bị kiến thức về khoa học kỹ thuật để phát triển sản xuất kinh doanh vươn lên làm giàu, thoát nghèo cho chính bản thân.

3. Công tác phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, ban với đơn vị các xã, thị trấn

Để đề án 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ đạt hiệu quả cao trong thời gian tới, đề nghị ban chỉ đạo đề án các cấp huyện và các xã tăng cường tốt hơn nữa cơ chế phối hợp, rà soát lại theo đúng những nhiệm vụ được phân công để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Các địa phương cần quan tâm xây dựng vùng quy hoạch, tập trung lựa chọn ngành nghề phù hợp với đặc điểm, điều kiện địa phương để công tác dạy nghề được triển khai thiết

thực và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, các đoàn thể cũng cần tăng cường vai trò chỉ đạo gắn kết nội dung đào tạo với việc sử dụng lao động.

- Đề nghị tỉnh tiếp tục có chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề, kinh phí dạy nghề cho lao động nông thôn, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Đề nghị tỉnh bố trí 1 biên chế theo dõi công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho giáo viên để có kỹ năng vừa dạy lý thuyết, vừa dạy thực hành.

- Ngân hàng chính sách xã hội cần tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động sau khi học nghề được tiếp cận các nguồn vốn vay để phát triển sản xuất, chăn nuôi.

UBND huyện Triệu Sơn báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Đề án đào tạo nghề theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động-TBXH (báo cáo);
- TT Huyện Uy, HĐND (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Thành viên BCĐ Đề án huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các đơn vị đào tạo nghề;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Trung